

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/HS-PT
Ngày: 01/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Lâm Đồng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Kim Sương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 80/2018/TLPT-HS ngày 17 tháng 5 năm 2018, đối với bị cáo Nguyễn Vũ L, do có kháng cáo của bị hại Phùng Thanh V đối với bản án hình sự sơ thẩm số 76/2018/HSST ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn Vũ L sinh năm 1991, tại Hậu Giang.

Nơi cư trú: ấp 4, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở hiện nay: 36 Võ Văn H1, phường L1, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà: Lê Ngọc D; có vợ và 01 con sinh ngày 25/5/2017; tiền án, tiền sự: Chưa; bị bắt tạm giam từ ngày 18/9/2016 đến ngày 13/01/2017, bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Bị hại: Phùng Thanh V, sinh năm: 1990. Có mặt.

Nơi cư trú: Khu vực Q, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: 108/1 Trần Q1, phường A1, quận B, thành phố Cần Thơ.

Các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 02/2015, Nguyễn Vũ L biết chị Lâm Thùy N1 (bạn học chung đại học) dự định nộp hồ sơ thi tuyển công chức năm 2015 tại Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ nên L giả vờ giới thiệu L có người quen công tác tại Sở Nội vụ có khả năng lo thi đậu công chức với điều kiện N1 phải chi 20.000.000 đồng để làm chi phí. Do chỗ bạn bè quen biết từ trước, chị N1 tin tưởng và đồng ý đưa trước cho L 5.000.000 đồng, số còn lại sẽ đưa tiếp khi có kết quả thi công chức. Trong thời gian này, N1 giới thiệu thêm chị Huỳnh Thị D1 Q2 (bạn của N1) cũng có nhu cầu thi công chức và nhờ L giúp chị Q2 thì L đồng ý và yêu cầu chị Q2 phải đưa cho L 30.000.000 đồng lo chi phí, chị Q2 đồng ý và đưa trước 10.000.000 đồng. Đến tháng 10/2015, L cùng chị N1 và chị Q2 tham dự kỳ thi tuyển công chức năm 2015 nhưng kết quả đều không đạt nên chị N1 và chị Q2 liên hệ với L hỏi lý do thì L tiếp tục nói dối L đã lo xong hết, yêu cầu chị N1 chị Q2 đưa thêm số tiền còn lại, vào ngày 19/02/2016 chị N1 đưa thêm 10.000.000 đồng, chị Q2 đưa thêm 15.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền, L nảy sinh ý định làm giả các “Thông báo về việc nhận quyết định và nhận việc sau khi có kết quả trong kỳ thi tuyển công chức hành chính thành phố Cần Thơ năm 2015 và Quyết định về việc tuyển dụng công chức hành chính năm 2016 của Sở khoa học và Công nghệ thành phố Cần Thơ”. Bằng cách L vào trang web của Ủy ban nhân dân Thành Phố Cần Thơ và Sở Khoa học và Công Nghệ thành phố Cần Thơ tìm mẫu văn bản phù hợp. Sau đó L tải văn bản, chỉnh sửa thông tin và cắt dán con dấu, Chữ ký người đứng đầu vào đúng vị trí như văn bản thật. Khi tạo xong văn bản, L sử dụng hộp thư điện tử (email) tự tạo chuyển cho chị N1 vào chị Q2 nhằm mục đích thể hiện L có thực hiện đúng cam kết với hai chị tuy nhiên gần đến ngày nhận việc thể hiện trong quyết định tuyển dụng thì L gọi điện thoại hẹn lại ngày nhận việc. Đến ngày 07/09/2016, do nhiều lần bị L hẹn nên chị N1 và chị Q2 trực tiếp đến Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Cần Thơ hỏi rõ phát hiện toàn bộ các Thông báo và Quyết định mà L gửi trước đó là không có thật. Nhận được thông tin trên, lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Cần Thơ trình báo phòng an ninh Kinh Tế Công an Thành phố Cần Thơ điều tra làm rõ hành vi của L.

Qua làm việc với cơ quan điều tra, L thừa nhận chiếm đoạt của chị N1 20.000.000 đồng và chị Q2 25.000.000 đồng, đồng thời khai nhận việc dùng thủ đoạn tương tự để chiếm đoạt tiền của nhiều người khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào tháng 03/2016, chị Huỳnh Thị D1 Q2 giới thiệu cho chị Võ Thị Cẩm N2 và chị Võ Thị Cẩm N3 làm quen với L, chị N2 nhờ L xin vào làm kế toán tại Sở Công thương thành phố Cần Thơ, chị N3 nhờ L lo thi đậu công chức vào Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ. Tuy bản thân không có khả năng xin việc và lo thi công chức cho chị N2 và chị N3 nhưng L vẫn giả vờ, hứa hẹn giúp đỡ nhưng hai chị phải chi mỗi người 30.000.000 đồng để làm chi phí. Hai chị đồng ý và đưa trước cho L mỗi người 10.000.000 đồng thì bị L chiếm đoạt. Đến tháng 8/2016 do biết được L không có khả năng lo được nên chị N3 và

chị N2 nhiều lần yêu cầu L hoàn trả lại số tiền đã nhận nên L trả tiền lại cho hai chị.

Như vậy, L đã chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của chị Võ Thị Cẩm N2 và chị Võ Thị Cẩm N3

Vụ thứ hai: Trong tháng 3/2016, chị N2 giới thiệu anh Phan Công T1 làm quen với L, sau khi anh T1 nhờ xin việc làm thì L gửi bản danh sách công việc của các Sở, Ban, Ngành để anh lựa chọn công việc. Sau khi xem xong anh T1 đề nghị L xin vào Sở Kế hoạch và Đầu tư. L giả vờ đồng ý và báo cho anh T1 biết còn một vị trí chuyên viên phòng Đăng ký kinh doanh và đề nghị anh T1 phải đưa cho L 30.000.000 đồng để làm chi phí. Anh T1 đồng ý và đưa trước cho L 10.000.000 đồng, khi nhận tiền L có viết biên nhận cho anh T1 để làm tin. Đến ngày 05/04/2016 L sử dụng hộp thư điện tử gửi văn bản “Thông báo nhận việc tại Sở Kế hoạch và Đầu tư” cho anh T1. Đến giữa tháng 4/2016, L tiếp tục đưa trực tiếp cho anh T1 “Quyết định nhận việc tại Sở Kế hoạch và Đầu Tư do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ, ông Võ Thành T2 ký” và hẹn ngày đi làm tuy nhiên, khi đến gần ngày đi làm thì L điện thoại cho anh T1 hẹn lại ngày khác, do nhiều lần bị L hẹn lại ngày đi làm nên anh T1 yêu cầu hoàn trả lại tiền nhưng L không trả. Sau đó, anh T1 tìm đến gia đình L thì gia đình L trả tiền lại cho anh T1 (bút lục 105 - 106).

Vụ thứ ba: Trong thời gian này, anh T1 có giới thiệu anh Lê Hải T3 làm quen với L và nhờ xin việc tại Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Cần Thơ, L giả vờ đồng ý và đề nghị phải đưa 30.000.000 đồng để làm chi phí. Anh T3 đưa trước cho L 10.000.000 đồng thì bị L chiếm đoạt. Ngày 01/4/2016 và ngày 04/4/2016 L đưa cho anh T3 “Quyết định về việc phê duyệt tuyển dụng công chức hành chính năm 2016 do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ ký và thông báo việc nhận quyết định và nhận việc tại Sở Khoa học và Công nghệ do Giám đốc ký” và hẹn ngày đi làm nhằm mục đích tạo lòng tin cho anh T3. Khi đến gần ngày đi làm, L tiếp tục điện thoại hẹn lại ngày khác, sau nhiều lần bị hẹn lại nên anh T3 đến Sở khoa học và Công nghệ thành phố Cần Thơ tìm hiểu thì phát hiện các Quyết định và Thông báo mà L gửi cho anh T3 là không có thật. Ngày 18/8/2016 anh T3 làm đơn tố cáo hành vi của L đến Công an phường Xuân Khánh để điều tra, làm rõ thì L hoàn trả 10.000.000 đồng cho anh T3, sau khi nhận lại tiền anh T3 không yêu cầu gì thêm (bút lục 65 - 67).

Vụ thứ tư: Trong tháng 03/2016, chị N2 giới thiệu anh Phùng Thanh V, chị Q2 giới thiệu anh Phạm Minh Đ làm quen với L. Anh V và anh Đ cùng nhờ L lo xin việc làm, L giả vờ đồng ý và giới thiệu có quen với ông Nguyễn Duy B1 - Phó Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ nên có thể xin việc cho V và Đ nhưng với điều kiện anh V phải đưa 15.000.000 đồng, anh Đ phải đưa 12.000.000 đồng để làm chi phí. Đến tháng 04/2016 L hẹn V và anh Đ đến quán cà phê P1 (trên đường Trần Văn H2, phường X, quận M) để đưa tiền cho L. Tại đây, anh V đưa trước 7.000.000 đồng, anh Đ đưa 12.000.000 đồng theo yêu cầu của L.

Hai ngày sau, L tự soạn thảo và in “Quyết định về việc tuyển dụng công chức số 29/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ, ông Võ Thành T2 ký” đưa cho anh V và yêu cầu anh V đưa thêm

8.000.000 đồng còn lại. Sau khi nhận tiền, L tiếp tục tạo văn bản “Thông báo về việc nhận quyết định và nhận việc tại Sở Nội vụ số 36/TB-SNV ngày 04/4/2016 do Phó giám đốc Nguyễn Duy B1 ký” có mộc đỏ và chữ ký theo quy định gửi qua hộp thư điện tử cho anh V và hẹn ngày đi làm nhằm mục đích thể hiện L lo xin việc cho anh V là thật. Tuy nhiên khi đến gần ngày hẹn thì L điện thoại cho anh V hẹn lại ngày khác cho đến tháng 9/2016 thì L bỏ trốn.

Với anh Đ, L cũng thực hiện hành vi tương tự, vào ngày 6/4/2016 L sử dụng hộp thư điện tử có địa chỉ “Bình Duy” gửi vào hộp thư điện tử của anh Đ một văn bản chứa nội dung “Thông báo số 34/TB-SNV ngày 5/4/2016 của Sở Nội Vụ về việc nhận quyết định và nhận việc làm tại Sở và Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 5/4/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt tuyển dụng công chức hành chính năm 2016”. Sau đó, L tiếp tục yêu cầu Đ đưa thêm tiền đồng phục 1.000.000 đồng. Sau khi nhận thêm tiền, L trực tiếp đưa cho anh Đ “Thông báo số 22/TB-SNV ngày 15/5/2016 của Sở Nội Vụ về việc nhận việc cho công chức mới năm 2016” và hẹn ngày đi làm nhằm mục đích thể hiện L có lo xin việc cho anh Đ là thật. Trong thời gian này, anh Đ biết L có chuyên môn về tin học nên nhờ L sửa dùm máy tính xách tay (còn gọi là laptop) hiệu Dell màu đen, Core i7 bị hư bo mạch chủ (hay còn gọi là Mainboard). Sau khi nhận laptop, L đem bán với giá 1.500.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tuy không sửa máy tính nhưng L vẫn yêu cầu anh Đ đưa số tiền 2.500.000 đồng chi phí sửa máy, anh Đ tin tưởng nên đồng ý đưa số tiền theo yêu cầu thì bị L chiếm đoạt rồi bỏ trốn.

Như vậy, L đã chiếm đoạt của anh V 15.000.000 đồng, chiếm đoạt của anh Đ là 15.500.000 đồng (gồm tiền lo xin việc, tiền đồng phục và tiền sửa laptop, anh Đ không yêu cầu đổi với số tiền bán laptop 1.500.000 đồng).

Vụ thứ năm: Trong tháng 8/2016, L giả vờ hỏi mượn Laptop hiệu Dell của anh Võ Phú A1 để làm báo cáo, do có mối quan hệ bạn bè làm chung công ty nên tin tưởng và đồng ý cho mượn. Khi nhận laptop từ anh A1, L liền đem đi cầm lấy số tiền 7.000.000 đồng sử dụng tiêu xài cá nhân sau đó anh A1 nhiều lần điện thoại cho L yêu cầu trả laptop nhưng L tiếp tục dùng lời nói gian dối, hứa hẹn không thực hiện đến ngày 06/9/2016 L bỏ trốn. Trong quá trình điều tra, anh A1 yêu cầu L bồi thường số tiền 14.000.000 đồng nhưng L vẫn chưa thực hiện (bút lục 107 - 108). Tại biên bản định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 363/BB.HĐĐG ngày 14/12/2016 của hội đồng định giá tài sản thuộc ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều xác định: Laptop hiệu Dell model 5558, có giá trị 11.150.000 đồng (bút lục 31).

Như vậy, L đã chiếm đoạt một máy laptop hiệu Dell của anh A1 có giá trị 11.150.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Trong tháng 8/2016, anh Trương Hữu C quen biết với L thông qua anh Võ Phú A1. Sau đó, anh C có nhờ L tìm người lo luyện thi Toeic tiếng Anh, tuy không quen biết ai nhưng L vẫn nhận lời và hứa giới thiệu thầy H3 dạy tiếng Anh tại trung tâm ngoại ngữ của Trường Đại học Cần Thơ luyện thi giúp cho anh C. Anh C tin tưởng đưa cho L 1.000.000 đồng lo chi phí luyện thi thì bị chiếm đoạt.

Vụ thứ bảy: Trong tháng 6/2016, do có mối quen biết từ trước với L, chị Đinh Thị Cẩm C1 nhờ L đăng ký dự thi tin học trình độ B và tiếng Anh giao tiếp. Tuy không

quen biết ai nhưng L vẫn nhận lời và hứa giới thiệu cô giáo Nguyệt (giảng viên trường Đại học Kỹ thuật Cần Thơ) sẽ dạy tiếng Anh cho chị. L đề nghị chị C1 đưa 1.500.000 đồng đóng tiền học phí và tiền đăng ký dự thi, chị C1 tin thật nên đưa tiền cho L thì bị chiếm đoạt.

Vụ thứ tám: Từ tháng 6/2016, giữa anh Phạm Phúc Đ1 có mối quan hệ quen biết thông qua bạn của anh Đ1, L giới thiệu với anh Đ1 là đang dạy tin học tại trung tâm Giáo dục thường xuyên (đường Trần Văn H2, phường X, quận M). Anh Đ1 có nhu cầu thi tiếng Anh trình độ B nên nhờ L đăng ký dự thi và lo thi đậu giúp cho anh Đ1, tuy không có khả năng thực hiện Nhưng L vẫn đồng ý và hứa hẹn giúp anh Đ1 và yêu cầu anh Đ1 đưa 3.000.000 đồng làm chi phí, Anh Đ1 tin tưởng và đưa số tiền theo yêu cầu thì bị L Chiếm Đoạt. Khoảng 4 - 5 ngày sau, anh Đ1 phát hiện hành vi gian dối nên nhiều lần yêu cầu hoàn trả tiền nhưng L không thực hiện.

Trong quá trình điều tra, chị Lâm Thúy N1, chị Huỳnh Thị D1, anh Phạm Minh Đ, Anh Lê Hải T3 và Phùng Thanh V giao nộp một số tài liệu có liên quan gồm: Quyết định về việc phê duyệt tuyển dụng công chức hành chính năm 2016; Thông báo về việc nhận quyết định và nhận việc tại Sở Nội vụ; Thông báo nhận quyết định qua hộp thư điện tử; Giấy cam đoan; Biên nhận thu tiền phí, lệ phí; Biên lai thu tiền; Biên nhận tiền.... đồng thời cơ quan điều tra còn kiểm tra, lập biên bản thu giữ các tài liệu này từ hộp thư điện tử, hộp thư Zalo của những người bị hại (bút lục 167 - 171).

Kết quả điều tra xác minh thể hiện tất cả các Thông báo và Quyết định tuyển dụng công chức do L gửi cho những người bị hại là không có thật, do bị cáo làm giả các Thông báo và Quyết định, nội dung và hình thức (bút lục 160-162).

Trong quá trình điều tra, L và gia đình giao nộp số tiền 89.500.000 đồng để xem xét xử lý, Khắc phục hậu quả (bút lục 164 - 166). những người bị hại yêu cầu bồi thường tổng số tiền 95.000.000 đồng, cụ thể trong đó, chị Q2 yêu cầu hoàn trả số tiền 25.000.000 đồng, chị N1 yêu cầu hoàn trả số tiền 20.000.000 đồng, anh Đ yêu cầu hoàn trả số tiền 15.500.000 đồng và máy laptop hiệu Dell, anh A1 yêu cầu L bồi thường số tiền 14.000.000 đồng, anh V yêu cầu L hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng, anh C yêu cầu hoàn trả số tiền 1.000.000 đồng, Chị C1 yêu cầu hoàn trả số tiền 1.500.000 đồng, anh Đ1 yêu cầu hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng.

Tại bản án số 76/2018/HSST ngày 25/6/2018 Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt là 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 18/9/2016 đến ngày 13/01/2017.

Ngoài ra, còn có quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí trong vụ án và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 09/02/2018 bị hại Phùng Thanh V kháng cáo

xin nhận lại số tiền 15.000.000 đồng mà bị cáo đã nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn nhìn nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo không có cung cấp thêm chứng cứ về các tình tiết mới.

Bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo được nhận lại số tiền mà bị cáo đã nhận của bị hại.

Kiểm sát viên nhận định bản án sơ thẩm đã tuyên có căn cứ và đúng pháp luật. Mức hình phạt đã tuyên là tương xứng, đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Về yêu cầu của bị hại không có căn cứ để chấp nhận nên đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm tuân thủ các quy định của Pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Các chứng cứ tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như để giải quyết các vấn đề có liên quan.

[1] Xét đơn kháng cáo của bị hại đúng quy định về hình thức và thời hạn nên được xem là hợp lệ. Nội dung kháng cáo của bị hại, xét thấy số tiền 15.000.000 đồng bị hại đưa cho bị cáo là chi phí để lo cho bị hại thi đậu công chức và xin được việc làm, đây là công cụ để thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu sung vào ngân sách của Nhà nước là phù hợp.

[2] Vì thỏa mãn mục đích có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã lợi dụng vào sự tin tưởng và thiếu hiểu biết của các bị hại để thực hiện hành vi phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Căn cứ vào các chứng cứ được thu thập trong hồ sơ đã đủ yếu tố xác định về việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” được quy định tại các Điều 139, Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Hiện nay tội phạm này còn xảy ra rất nhiều, làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước. Nên cần xử phạt cho nghiêm mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Khi lượng hình Tòa án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Hình phạt đã tuyên đối với bị cáo không nặng, là cần thiết để phòng chống tội phạm này. Nên giữ nguyên như Kết luận của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào: điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ L phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt Nguyễn Vũ L 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt là 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 18/9/2016 đến ngày 13/01/2017.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

Không ai phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- VKSND TPCT;
- VKSND Cấp Cao tại TP HCM;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan tố tụng Q. Ninh Kiều;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu.

Phạm Lâm Đồng

